

TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH
KHOA VĂN HÓA – THÔNG TIN

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGÀNH QUẢN LÝ VĂN HÓA TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**

**Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
Loại hình đào tạo: Chính quy
Mã ngành : 8319042**

Thanh Hóa, năm 2020

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 9 năm 2020

Số: 891b/QĐ-ĐVTD

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo
chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ
DU LỊCH THANH HÓA**

Căn cứ Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 ban hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định 1221/QĐ-TTg ngày 22/7/2011 của Thủ tướng chính phủ về việc thành lập trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 124/QĐ-ĐVTD ngày 19/2/2019 của Hiệu trưởng trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa về việc “Ban hành Quy chế đào tạo trình độ Thạc sĩ” ;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa.

Điều 2: Ban hành Bản mô tả Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ được áp dụng cho các khóa tuyển sinh, bắt đầu từ khóa tuyển sinh năm 2021.

Điều 3: Các đơn vị phòng Đào tạo Sau đại học, phòng Thanh tra, phòng Khảo thí – Đảm bảo chất lượng giáo dục, Khoa Văn hóa thông tin, giảng viên liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP, ĐTSĐH.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**


TS. Lê Thanh Hà

Thanh Hóa, ngày 16 tháng 9 năm 2020

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 891b/QĐ-ĐVTDT ngày 16 tháng 9 năm 2020
của Hiệu trưởng Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa)

Ngành/chuyên ngành: Quản lý Văn hóa
Trình độ: Thạc sĩ
Mã số: 8319042

1. Thông tin chung về CTĐT

Trường cấp bằng tốt nghiệp	: Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa
Tên gọi của văn bằng	: Thạc sĩ Quản lý Văn hóa
Tên CTĐT	: Quản lý Văn hóa
Hình thức đào tạo	: Thạc sĩ
Thời gian đào tạo	: 2 năm
Đối tượng tuyển sinh	Theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục & Đào tạo tại Thông tư số 15/2014/TT-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014. <i>*Về văn bằng và ngành học</i> - Đã tốt nghiệp đại học ngành đúng, ngành phù hợp với ngành, chuyên ngành đăng ký dự thi trình độ Thạc sĩ. Đối với các thí sinh ngành khác căn cứ trên thực tiễn hồ sơ đăng ký và phải học bổ sung kiến thức trước khi dự thi theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo. <i>*Về thâm niên công tác</i> -Người có bằng tốt nghiệp Đại học loại khá trở lên được dự thi ngay sau khi tốt nghiệp; -Những trường hợp còn lại phải có ít nhất 01 năm thâm niên công tác trong lĩnh vực Văn hóa kể từ khi tốt nghiệp Đại học. <i>*Về sức khỏe:</i> Có đủ sức khỏe để học tập và làm việc theo quy định hiện hành. <i>*Hồ sơ dự tuyển:</i> Có đầy đủ các hồ sơ, thủ tục theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo và Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa trong Thông báo tuyển sinh.
Điều kiện tốt nghiệp	Những học viên đã tích lũy đủ số học phần của chương trình đào tạo, bảo vệ thành công luận văn điểm đạt 5,5 trở lên thì được xét công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng Thạc sĩ chuyên ngành Quản lý Văn hóa.
Vị trí việc làm	- Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản lý Văn hóa, có thể công tác tại Sở và Phòng Văn hóa - Thể thao - Du lịch, các Trung tâm Văn hóa, Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan thuộc các Bộ văn hóa, các bộ ngành có tổ chức hoạt động văn hóa, văn hóa nghệ thuật nghệ thuật. - Sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí công tác tại các tổ chức, cơ quan chuyên trách văn hóa thuộc khu vực nhà nước, tư nhân hay các tổ chức, cơ quan văn hoá, giáo dục có yếu tố nước ngoài. - Thực hiện công tác tham mưu, quản lý, tổ chức điều hành các hoạt động văn hóa, đời sống văn hóa.

	- Nghiên cứu và bảo vệ văn hóa tại các trung tâm nghiên cứu khoa học và các cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa. - Giảng dạy tại các trường Đại học, Cao đẳng, các trường nghiệp vụ về văn hoá - thông tin, chính trị - hành chính, các trường nghiệp vụ của các tổ chức xã hội (thanh niên, công đoàn). - Quản lý nghiệp vụ tại các tổ chức, cơ quan thuộc ngành văn hoá - thông tin - du lịch (Sở VH,TT&DL các tỉnh; phòng VH,TT&DL các huyện Trung tâm văn hóa; UBND các xã; Nhà văn hóa, Ban quản lý di tích, quản lý lễ hội, các cơ quan chuyên trách nhà nước về Văn hóa, Thể thao và Du lịch). - Làm việc trong các công ty, tổ chức có hoạt động kinh doanh, dịch vụ văn hóa: công ty tổ chức sự kiện, công ty truyền thông, du lịch, các đơn vị tổ chức biểu diễn nghệ thuật, các điểm vui chơi, giải trí, bộ phận marketing và quan hệ công chúng của các tổ chức, doanh nghiệp. - Hoặc làm việc như những nhân viên độc lập (freelancer) cho các chương trình, sự kiện, hay dự án văn hóa nghệ thuật. - Kinh doanh độc lập dịch vụ văn hóa, chương trình, sự kiện, dự án văn hóa
Học tập nâng cao trình độ	Có khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường: khả năng tự nghiên cứu, học tập, bồi dưỡng; khả năng tiếp tục học tập nâng cao lên trình độ Tiến sĩ.
Thời gian cập nhật bản mô tả CTĐT	09/2020

2. Mục tiêu đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

CTĐT ngành Quản lý Văn hóa trình độ Thạc sĩ nhằm mục tiêu giúp người học nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về văn hóa-nghệ thuật; Có tư duy khoa học và năng lực hoạt động của một nhà quản lý, xây dựng đề án chiến lược về văn hóa trong xu thế giao lưu và hội nhập quốc tế; Có năng lực nghiên cứu, tổ chức, quản lý và khả năng làm việc độc lập sáng tạo; Nắm vững các lý thuyết về văn hóa-nghệ thuật; phương pháp nghiên cứu và ứng dụng vào công tác quản lý chuyên ngành; Nắm vững các vấn đề quản lý các thiết chế văn hóa, quản lý di sản văn hóa, quản lý các tổ chức văn hóa-nghệ thuật trên những điều kiện thực tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

*Kiến thức

M1. Quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển văn hóa Việt Nam;

M2. Những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay.

*Kỹ năng

M3. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

M4. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

M5. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

M6. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

M7. Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 của khung Châu Âu.

*Thái độ

M8. Có lập trường tư tưởng vững vàng, phẩm chất đạo đức tốt, có lối sống lành mạnh. M9. Biết trân trọng giá trị văn hóa dân tộc, trân trọng giá trị của các sản phẩm và dịch vụ văn hóa nghệ thuật, các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể.

M10. Yêu nghề, say mê với các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa nghệ thuật, có tinh thần trách nhiệm và đảm bảo đạo đức nghề nghiệp

M11. Tác phong công nghiệp hóa: khẩn trương, tích cực, năng động, sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

3.1. Kiến thức

* Kiến thức chung:

C1. Người học có hiểu sâu sắc các kiến thức về nguồn gốc, bản chất, vai trò, chức năng của triết học, những nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử nói chung và triết học Mác - Lênin nói riêng; biết vận dụng kiến thức triết học để phục vụ cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; hiểu rõ cơ sở lý luận của các chủ chương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước trong thời kỳ đổi mới ở nước ta hiện nay.

* Kiến thức cơ sở ngành:

C2. Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức cơ bản của các khoa học thuộc lĩnh vực xã hội & nhân văn vận dụng trong quản lý văn hóa.

C3. Vận dụng được những kiến thức liên ngành về xã hội, văn hóa, khoa học, luật pháp... trong quản lý văn hóa

* Kiến thức chuyên ngành:

C4. Biết, hiểu, phân tích được những kiến thức lý luận chuyên sâu về Quản lý Nhà nước về văn hóa; về tổ chức bộ máy và quản lý văn hóa bằng pháp luật trong điều kiện hội nhập thế giới sâu rộng hiện nay

C5. Hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau của Việt Nam và thế giới và vận dụng linh hoạt trong thực tiễn quản lý văn hóa.

3.2. Kỹ năng

C6. Trang bị, bổ sung cho học viên kỹ năng quản lý và tổ chức các hoạt động trong lĩnh vực văn hóa-nghệ thuật;

C7. Có năng lực phát hiện, phân tích và giải quyết các vấn đề về văn hóa, nghệ thuật;

C8. Có khả năng tư vấn về tổ chức và quản lý hoạt động văn hóa-nghệ thuật cho các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

C9. Tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học, các dự án nghiên cứu về quản lý của địa phương, đơn vị công tác;

C10: Sau khi tốt nghiệp, trình độ ngoại ngữ (tiếng Anh) của học viên đạt trình độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

C11. Có năng lực dẫn dắt về chuyên môn, nghiệp vụ đã được đào tạo; có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ;

C12. Có khả năng đưa ra được kết luận về các vấn đề chuyên môn, nghiệp vụ thông thường và một số vấn đề phức tạp về mặt kỹ thuật; có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn ở quy mô trung bình.

4. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của Chương trình đào tạo

Mục tiêu	Chuẩn đầu ra											
	Kiến thức chung	Kiến thức CSN		Kiến thức chuyên ngành		Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm	
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12
M1	1	1	2	1	2	2	3	1	1	1	2	2
M2	2	2	3	2	2	3	3	4	3	3	3	3
M3	1	2	3	3	3	4	5	3	4	5	5	5
M4	2	2	3	3	4	3	5	4	4	3	4	4
M5	1	3	1	5	4	3	4	3	5	3	3	3

M6	1	2	2	4	3	4	4	4	4	4	4	5
M7	2	1	3	3	3	4	4	4	5	4	5	4
M8	2	3	3	4	5	3	3	5	4	3	5	3
M9	2	3	3	5	5	5	5	4	4	5	4	5
M10	1	3	1	5	4	3	4	3	5	3	3	3
M11	1	2	2	4	3	4	4	4	4	4	4	5

***Ghi chú:** Ký hiệu M hoặc C theo số thực tế của mục tiêu và CĐR của CTĐT để kê bảng

-Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2- Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo

-Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng

-Đối với năng lực tự chủ và trách nhiệm: 1- Tiếp nhận; 2-Hỏi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách

5. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

5.1. Phương pháp dạy - học

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào nội dung từng học phần, giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau.

Các phương pháp dạy học: Chương trình sử dụng đa dạng các phương pháp dạy - học sau:

- + Nhóm PP dạy - học trực tiếp (thuyết trình, thảo luận,);
- + Nhóm PP dạy - học kích não (bản đồ tư duy, nghiên cứu xử lý tình huống, đặt vấn đề/giải quyết vấn đề,...)
- + Nhóm PP dạy - học tương tác (đóng kịch nhập vai, mô hình ứng xử,...);
- + Nhóm PP dạy - học ứng dụng công nghệ (dạy học trực tuyến,...);
- + Nhóm PP dạy - học độc lập (tự học, kiểm tra cá nhân,...).
- + Phương pháp chuyên gia (mô hình, dự án, đề án,...)

5.2. Cách phương thức đánh giá

Điểm đánh giá học phần bao gồm tổng điểm của 3 nội dung đánh giá theo hệ số: bài kiểm tra thường xuyên (KTTX), điểm chuyên cần (CC) và điểm thi kết thúc học phần (KTHP) được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân và tính theo tỷ lệ: Điểm học phần = $CC \cdot 10\% + KTTX \cdot 20\% + KTHP \cdot 70\%$

Điểm TBC tích lũy toàn khóa là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B+, B, C+, C, D+, D mà học viên đã tích lũy được.

Công thức tính: Điểm TBC học phần * số TC của học phần / Tổng tín chỉ tích lũy toàn khóa.

6. Mô tả chương trình dạy học

6.1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số tín chỉ (TC)	Loại học phần	Số TC
1	Kiến thức chung: 08 TC	Bắt buộc	08
		Tự chọn	0
2	Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: 38 TC		
2.1	Kiến thức cơ sở ngành: 15 TC	Bắt buộc	11
		Tự chọn	04
2.2	Kiến thức chuyên ngành: 23 TC	Bắt buộc	19
		Tự chọn	04
2.3	Thực tập: 03 TC		03
2.4	Luận văn TN: 15 TC		15
	Tổng số tín chỉ của CTĐT		64

6.2. Danh sách và mô tả các học phần

TT	Mã	Tên	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
----	----	-----	-------------------------	--------------------

	học phần	học phần (Số TC)		
I	Kiến thức chung			
1.	KTC01	Triết học	Đây là học phần thuộc kiến thức bắt buộc trong chương trình đào tạo của hệ cao học không chuyên Triết theo quy định chung của Bộ Giáo dục đào tạo. Cung cấp cho học viên những nội dung cơ bản về lịch sử Triết học, về chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật, chủ nghĩa duy vật lịch sử. Từ những lý luận cơ bản theo quan điểm của Chủ nghĩa Mác Lênin đòi hỏi phải có sự cập nhật thông tin thường xuyên và liên tục nhằm làm sáng tỏ những luận điểm đã nêu, đồng thời có sự vận dụng sáng tạo trong tình hình cụ thể của đất nước nhằm giúp học viên có được định hướng đúng đắn và có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng trong giai đoạn hiện nay.	* Tài liệu bắt buộc [1] Bộ giáo dục và đào tạo (2022), <i>Giáo trình Triết học</i> (Dùng trong đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ và các ngành khoa học xã hội nhân văn không chuyên ngành Triết học), Nxb. Đại học sư phạm. * Tài liệu tham khảo [2] Doãn Chính, <i>Lịch sử tư tưởng phương Đông và Việt Nam</i>, Nxb chính trị quốc gia [3] Bùi Đăng Duy, Nguyễn Tiến Dũng, <i>Lược khảo triết học phương Tây hiện đại</i>, Nxb Chính trị quốc gia. [4] Các văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XI, XII, XIII [5] Nguyễn Hữu Vui (2002), <i>Lịch sử Triết học</i>, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2	KTC 02	Ngoại ngữ (Tiếng Anh)	Học phần Ngoại ngữ (Tiếng Anh) là học phần trong chương trình đào tạo Thạc sĩ của tất cả các chuyên ngành, được bố trí giảng dạy trong học kỳ đầu của khóa đào tạo. Cung cấp cho học viên những kiến thức về ngôn ngữ tiếng Anh, rèn luyện và phát triển kỹ năng giao tiếp, giúp cho học viên phương pháp học tiếng Anh có hiệu quả. Cụ thể là, sau khi kết thúc học phần, người học phải đạt được năng lực giao tiếp ở trình độ trung cấp bậc 3 (theo khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam) hoặc trình độ B1 (theo khung tham chiếu chung Châu Âu (CEFR), bao gồm tri thức về bình diện ngôn ngữ (ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp), kiến thức hiểu biết về văn hóa các nước nói tiếng Anh và kỹ năng thực hành ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết), trong đó, kỹ năng đọc, hiểu, dịch phải ở mức thành thạo.	Tài liệu bắt buộc [1] Giáo trình Liz (2009), New headway 3, NXB Lao động * Tài liệu tham khảo [2] Lê Huy Lâm (2007), Writing, NXB Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. [3] Trần Bá Sơn (2008), Tài liệu luyện thi viết tiếng Anh, NXB Hà Nội. [4] Trần Mạnh Tường (2008), Bài tập trắc nghiệm viết câu tiếng Anh, NXB Đại học Sư phạm. [5] Navaratnam M.A,V (2004), 556 new best essays & writings for all purpose, topics & levels, NXB Trẻ.
II	Kiến thức cơ sở ngành			
3	CSBB03	Phương	Môn học cung cấp cho người học	* Tài liệu bắt buộc

		pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	các kiến thức và kỹ năng căn bản trong NCKH chuyên ngành văn hóa. Thực nghiệm phương pháp và quy trình áp dụng vào đối tượng Văn hóa phi vật thể và văn hóa vật thể; Thực nghiệm một số phương pháp căn bản vào đối tượng văn hóa cụ thể. Thực hành bài nghiên cứu về văn hóa theo đối tượng học viên tự chọn để đánh giá kết quả cuối môn học.	[1] Tập bài giảng <i>Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) *Tài liệu tham khảo [2] Barker, Chris (2011), <i>Nghiên cứu văn hóa</i>, NXB Văn hóa Thông tin [3] Nguyễn Khắc Xương (2016), <i>Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian</i>, Q.1, NXB Hội nhà văn [4] Nguyễn Khắc Xương (2016), <i>Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian</i>, Q.2, NXB Hội nhà văn [5] Nguyễn Khắc Xương (2016), <i>Tổng tập nghiên cứu văn hóa, văn nghệ dân gian</i>, Q.3, NXB Hội nhà văn [6] Kristin G, Leslie (2016), <i>Văn hóa học những phương pháp nghiên cứu</i>, NXB Thế giới
4	CSBB04	Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	Học phần được thiết kế gồm 5 chuyên đề nhằm cung cấp cho học viên những kiến thức căn bản về điều kiện hình thành văn hóa Việt Nam, giới thiệu các lần giao lưu tiếp biến giữa văn hóa Việt Nam với các quốc gia trong khu vực và trên thế giới đã diễn ra trong lịch sử: (1) Giao lưu, tiếp biến, quy luật vận động và phát triển của văn hóa; (2) Giao lưu, tiếp biến văn hóa người Việt với văn hóa Trung Hoa và Ấn Độ (3) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với văn hóa Phương Tây; (5) Giao lưu, tiếp biến văn hóa Việt Nam với các nước trong giai đoạn hiện nay.	*Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *Tài liệu tham khảo [2] Ngô Đức Thịnh (2006), <i>Giá trị và tính đa dạng của Folklore Châu Á trong quá trình hội nhập</i>, NXB Thế giới [3] Vương Kiến Huy (2004), <i>Tinh hoa tri thức văn hoá Trung Quốc</i>, NXB Thế giới [4] Trompenaars, Fons (2009), <i>Chinh phục các đợt sóng văn hoá</i>, NXB Tri thức [5] Thành Duy (2007), <i>Văn hoá Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá - thời cơ và thách thức</i>, NXB Văn hoá Thông tin ; Viện Văn hóa
5	CSBB05	Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	Học phần Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội cung cấp một hệ thống kiến thức cơ sở về điều kiện tự nhiên, dân cư, lịch sử của sự ra đời các nền văn minh trong lịch sử: Văn minh Ai Cập cổ đại, văn minh Lưỡng Hà cổ đại, văn minh Arập cổ đại, văn minh Ấn Độ cổ trung đại, văn minh Trung Hoa cổ trung đại, văn minh Đông Nam Á cổ trung đại, văn minh	*Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. * Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), <i>Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật</i>, NXB Lao động

			Hy Lạp và La Mã cổ đại, văn minh Tây Âu trung đại, văn minh cận đại, văn minh nhân loại thời hiện đại. Trên nền tảng đó loài người đã đạt được những thành tựu rực rỡ về toán học, vật lý, thiên văn, hoá học, văn học, nghệ thuật, kiến trúc, điêu khắc. Nhưng cũng chính con người đã gây ra hai cuộc chiến tranh thế giới làm tàn phá nền văn minh nhân loại. Để rồi sau sự đổ nát đó con người lại tiếp tục vươn lên và đạt được những thành tựu kỳ diệu, đưa loài người bước sang một nền văn minh mới, đó là văn minh trí tuệ hay văn minh hậu công nghiệp.	[3] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2012), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [4] Nguyễn Tiếp (2005), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực</i>, Nxb Lao động Xã hội [5] Bùi Văn Nhơn (chủ biên), Nguyễn Trinh Kiểm, Đinh Thị Minh Tuyết (2011), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực xã hội</i>, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
6	CSBB06	Tâm lý học quản lý	Học phần Tâm lý học quản lý cung cấp cho học viên những kiến thức về đặc điểm tâm lý của người quản lý như những phẩm chất, năng lực cần có của người cán bộ quản lý, nghiên cứu về vấn đề quyền lực trong quản lý, uy tín của người quản lý. Đồng thời học phần cũng nghiên cứu đặc điểm tâm lý của người lao động như: nhu cầu, động cơ lao động, hứng thú, tính cách của người lao động... Từ đó giúp nhà quản lý có thể hiểu được đặc điểm tâm lý của đối tượng mà mình quản lý. Giúp cho người quản lý tuyển dụng và sử dụng lao động đạt hiệu quả cao nhất.	* Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Tâm lý học quản lý</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) *Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Đình Chính- Phạm Ngọc Uyển (1998), <i>Tâm lý học quản lý</i>, Nxb. Giáo dục. [3] Vũ Dũng (2006), <i>Giáo trình Tâm lý học quản lý</i>, Nxb. Đại học sư phạm. [4] Nguyễn Bá Dương (2023), <i>Tâm lý học quản lý dành cho người lãnh đạo</i>, Nxb Chính trị Quốc gia. [5] Ngô Công Hoàn (1997), <i>Tâm lý học xã hội trong quản lý</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
7	CSTC 07	Văn hóa và du lịch	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho người học những kiến thức về văn hóa và du lịch, mối quan hệ giữa văn hóa và du lịch, vấn đề khai thác và quản lý văn hóa trong hoạt động du lịch, những thành tố cơ bản hợp thành đặc trưng của văn hóa du lịch. Ngoài ra còn góp phần phác thảo một mô hình về văn hóa du lịch để ứng dụng vào phát triển du lịch ở nước ta. Đồng thời giúp người học nhìn nhận được vai trò, tầm quan trọng của văn hóa Việt Nam trong sự phát triển của ngành du lịch nước nhà.	*Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Văn hóa và du lịch</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *Tài liệu tham khảo [2] Lê Thị Tuyết Mai (2013), <i>Du lịch lễ hội Việt Nam</i>, Trường đại học Văn hoá Hà Nội [3] Lê Hồng Lý (2010), <i>Giáo trình quản lý di sản văn hoá với phát triển du lịch</i>, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội
8	CSTC08	Nông thôn và	Học phần Nông thôn và đô thị trong Văn hóa Việt Nam là học	*Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Nông thôn và đô</i>

		đô thị trong văn hóa Việt Nam	phần bắt buộc trong chương trình đào tạo cao học ngành Quản lý văn hóa, gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên những vấn đề khái quát về văn hóa nông thôn và đô thị; những kiến thức chuyên sâu về văn hóa nông thôn, cơ sở hình thành và tồn tại của văn hóa nông thôn, các thành tố của văn hóa nông thôn; những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành đô thị nói chung; quá trình hình thành đô thị ở Việt Nam nói riêng; đặc điểm của các đô thị theo vùng lãnh thổ ở Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử.	<i>thị trong văn hóa Việt Nam</i> (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *Tài liệu tham khảo [2] Hồ Đức Thọ (1999), <i>Lệ làng Việt Nam</i>, NXB Hà Nội [3] Nhất Thanh (2005), <i>Phong tục làng xóm Việt Nam</i>, NXB Phương Đông [4] Nguyễn Xuân Nhân (2012), <i>Vài nét về văn hoá Làng</i>, NXB Văn hóa dân tộc [5] Ngô Thị Kim Doan (2004), <i>Văn hoá làng xã Việt Nam</i>, NXB Văn hoá Thông tin. Công ty văn hoá Bảo Thắng [6] Phan Đại Doãn (2010), <i>Làng xã Việt Nam một số vấn đề kinh tế - văn hoá - xã hội</i>, NXB Chính trị Quốc gia
9	CSTC09	Văn hóa tôn giáo Việt Nam	Học phần Văn hóa Tôn giáo nhằm cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về các tôn giáo ở Việt Nam và ảnh hưởng của nó đối với văn hóa truyền thống dân tộc. Giúp học viên có cái nhìn đúng đắn, khách quan, toàn diện về đạo các tôn giáo ở Việt Nam; những thành tựu và kết quả nổi bật trong quá trình tiếp xúc và giao lưu văn hóa Việt Nam với các tôn giáo du nhập.	*Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Tôn giáo Việt Nam</i> (tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *Tài liệu tham khảo [2] <i>Văn hoá, tôn giáo, tín ngưỡng Việt Nam dưới nhãn quan học giả L. Cadriere chủ bút tạp chí Bulletin Des Amis du vieux Hue đô thành hiếu cổ (1914 - 1944)</i> (2006) NXB Thuận Hóa [3] Nguyễn Văn Dân (2009), <i>Con người và văn hoá Việt Nam</i>, NXB Khoa học xã hội. [4] Bùi Quang Thanh (2015), <i>Nghiên cứu luật tục, phong tục các dân tộc thiểu số ở Quảng Nam</i>, NXB Khoa học xã hội.
10	CSTC010	Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: (1) Tổng quan về khu vực Đông Nam Á với những vấn đề nổi bật như: Điều kiện tự nhiên; Quá trình hình thành và phát triển các quốc gia Đông Nam Á đến cơ tầng văn hóa Đông Nam Á. (2) Nghiên cứu cơ bản về văn hóa Việt Nam trong mối liên hệ với khu vực Đông Nam Á trên các phương diện tự nhiên, lịch sử, văn hóa, kinh tế, xã hội... theo đồng đại và lịch đại.	* Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. *Tài liệu tham khảo [2] Phạm Đức Dương (2000), <i>Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á</i> NXB Khoa học xã hội [3] Thành Duy (2007) <i>Văn hoá Việt Nam trước xu thế toàn cầu hoá - thời cơ và thách thức</i>, NXB Văn

				hoá Thông tin, Viện Văn hoá [4] Nguyễn Văn Dân (2009), <i>Con người và văn hoá Việt Nam</i> , NXB Khoa học xã hội
11	CNBB11	Quản lý sự kiện văn hóa	Học phần Quản lý sự kiện văn hóa bao gồm 03 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức cơ bản về khái niệm, phân loại sự kiện, quy trình tổ chức sự kiện nói chung và sự kiện văn hóa nói riêng; quản lý các sự kiện văn hóa. Trên cơ sở lý thuyết, học viên thực hành tổ chức các sự kiện văn hóa, quản lý các sự kiện văn hóa.	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý sự kiện văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ tại Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) Tài liệu tham khảo [2] Cao Đức Hải, (2010), <i>Quản lý lễ hội và sự kiện</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. [4] Nguyễn Văn Huy (1998), <i>Quản lý hoạt động văn hóa</i> , NXB Văn hóa Thông tin [5] Lưu Văn Nghiênm, <i>Tổ chức sự kiện</i> , NXB Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2009 [6] Nguyễn Vũ Hà, <i>Tập bài giảng Tổ chức sự kiện</i> , Trường Cao đẳng Du lịch Hà Nội, năm 2009 [7] Lưu Kiếm Thanh, <i>Kỹ năng tổ chức sự kiện</i> , Học viện Hành chính Quốc gia, năm 2007
III Kiến thức chuyên ngành				
12	CNBB12	Quản lý truyền thông	Học phần được thiết kế gồm 4 chuyên đề, cung cấp cho người học các kiến thức nâng cao về truyền thông đại chúng, vai trò và mối quan hệ của truyền thông đại chúng với xã hội; quản lý nhà nước trong lĩnh vực truyền thông đại chúng	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Truyền thông văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) Tài liệu tham khảo [2] Đỗ Quang Vinh (2009), <i>Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý văn hóa</i> , NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. [3] Hoàng Minh Tường (2009), <i>Công tác quản lý nhà nước về thông tin – truyền thông và vai trò của cán bộ VH TT cơ sở</i> , NXB Thanh Hóa
13	CNBB	Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	Nghị quyết 04NQ/HNTW ngày 14-1-1993 về định hướng một số nhiệm vụ cụ thể cho lĩnh vực văn hóa văn nghệ trong giai đoạn mới, trong đó có công tác tổ chức các hoạt động văn hóa và quản lý các thiết chế văn hóa. Nội dung trong định hướng chính trị của Đảng đối với văn hóa qua các kỳ đại hội nói trên đều nhằm mục đích căn bản là xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Học phần thiết	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Trần Phồng Điều (2015), <i>Đình ở thành phố Cần Thơ</i> , NXB Khoa học xã hội [3] Nguyễn Thế Long (2005), <i>Đình và đền Hà Nội</i> , NXB Văn hoá Thông tin

			kế 5 chuyên đề, cung cấp hệ thống các kiến thức cơ bản về, tổ chức hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao và công tác quản lý, cũng như định hướng phát triển. Do vậy, học phần được thiết kế nội dung chương trình theo trục dọc về mặt tổ chức, quản lý của các thiết chế và trục ngang theo hoạt động của các thiết chế văn hóa, thể thao.	[4] Nguyễn Thị Thục (2016), <i>Thiết chế văn hóa cơ sở ở Thanh Hóa trong thời kỳ mới</i> [5] Trần Văn Thúc (2017), <i>Thực trạng vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị của hệ thống đền thờ ở Thanh Hóa, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa</i>
14	CNBB13	Quản lý thị trường văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề, cung cấp cho học viên các kiến thức nâng cao về thị trường văn hóa, quản lý thị trường văn hóa trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. Phân tích rõ mối quan hệ tác động giữa văn hóa và kinh tế trong phát triển để thấy vai trò của thị trường văn hóa trong việc điều chỉnh các quan hệ kinh tế.	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý thị trường văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) Tài liệu tham khảo [2] Lê Ngọc Tông, (2016), <i>Giáo trình kinh tế học văn hóa</i>, NXB Lý luận chính trị [3] Thành Duy (2007), <i>Văn hóa Việt Nam trước xu thế toàn cầu hóa – thời cơ và thách thức</i>, NXB Văn hóa Thông Tin, Viện Thông tin [4] Nguyễn Trí Nguyên (2004), <i>Những bài giảng về quản lý văn hóa trong kinh tế thị trường theo định hướng XHCN</i>, NXB Văn hóa thông tin
15	CNBB	Phát triển chính sách văn hóa	Học phần được thiết kế gồm 3 chuyên đề cung cấp cho học viên kiến thức tổng quan về nghiên cứu xây dựng chính sách văn hóa; Kinh nghiệm xây dựng chính sách văn hóa của một số quốc gia trên thế giới và vấn đề phát triển, hoàn thiện chính sách văn hóa ở Việt Nam trong thời kỳ hội nhập quốc tế hiện nay.	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Phát triển chính sách văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Lê Thị Hiền (2012), <i>Chính sách văn hóa</i>, NXB Hà Nội [3] Nguyễn Hữu Thúc (2007), <i>Một số kinh nghiệm quản lý và hoạt động tư tưởng văn hóa</i>, NXB Văn hóa Thông tin, Viện Văn hóa [4] Lương Hồng Quang (2016), <i>Chính sách văn hóa</i>, NXB Lao động
16	CNBB	Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa nghệ thuật	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề, cung cấp cho học viên những kiến thức: - Khái quát về nguồn lực gồm có khái niệm, đặc điểm, vai trò và nhận diện các nguồn lực văn hóa để từ đó có phương pháp trong việc sử dụng nguồn lực cho các hoạt động cụ thể.	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý nguồn lực văn hóa – nghệ thuật</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Thị Thanh Lan (2016), <i>Quản lý nguồn nhân lực trong các tổ chức văn hóa – nghệ thuật</i>, NXB Lao động

			- Có khả năng quản lý và phát triển các nguồn lực văn hóa nghệ thuật trong thời kỳ hội nhập hiện nay, đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước nói chung và phát triển văn hóa nói riêng.	[3] Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Tấn Thịnh (2012), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực trong tổ chức</i>, Nxb Giáo dục, Hà Nội. [4] Nguyễn Tiệp (2005), <i>Giáo trình nguồn nhân lực</i>, Nxb Lao động Xã hội [5] Bùi Văn Nhơn (chủ biên), Nguyễn Trinh Kiêm, Đinh Thị Minh Tuyết (2011), <i>Giáo trình quản lý nguồn nhân lực xã hội</i>, Nxb Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội.
17	CNBB17	Quản lý di sản văn hóa	Học phần Quản lý di sản văn hóa làm rõ những nội dung sau đây: - Những vấn đề cơ bản về di sản văn hóa và quản lý di sản văn hóa - Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa - Khai thác, phát huy giá trị di sản văn hóa trong bối cảnh hiện nay	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý di sản văn hóa</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Lê Hồng Lý(2010), <i>Giáo trình quản lý di sản văn hóa với phát triển du lịch</i>, NXB Đại học quốc gia HN [3] Vũ Tiến Kỳ (2017), <i>Di sản văn hóa phi vật thể tỉnh Hưng Yên- Q.2</i>, NXB Hội Nhà văn [4] Trần Văn An (2011), <i>Di sản văn hóa văn nghệ dân gian Hội An</i>, NXB Lao động [5] Lê Văn Tạo (2016), <i>Di sản văn hóa truyền thống ở Thanh Hóa</i>, NXB Thanh Hóa [6] Ban Nghiên cứu và biên soạn lịch sử Thanh Hóa (2005), <i>Văn hóa phi vật thể Thanh Hóa</i>, NXB Thanh Hóa 7. Lê Văn Tạo (2011), <i>Di sản văn hóa</i>, NXB Thế giới
18	CNTC18	Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	Học phần xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa có cấu trúc 02 tín chỉ, trong đó có 01 tín chỉ lý thuyết và 01 tín chỉ thực hiện các bài tập thực hành. Chương 1 (lý thuyết): Khái quát chung về đường lối văn hóa của Đảng và xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Chương 2: Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa. Chương 3: Phân tích một số kế hoạch và chiến lược phát triển văn hóa Việt Nam	Tài liệu bắt buộc [1] Nguyễn Thị Thục, Tập bài giảng <i>Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa</i>, Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Cao Đức Hải (chủ biên) (2009), <i>Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội. [3] Cao Đức Hải (2014), <i>Quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>. NXB Lao động [4] Nguyễn Văn Huy, (1998), <i>Quản lý hoạt động văn hóa</i>, NXB Văn hóa Thông tin
19	CNTC19	Gây quỹ cho các hoạt	Là một học phần có nội dung khá mới mẻ ở Việt Nam, giáo trình và tài liệu giảng dạy tương đối ít	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Gây quỹ cho các hoạt động Văn hóa Nghệ thuật</i>,

		động Văn hóa Nghệ thuật	ôi, hạn chế. Để biên soạn bài giảng cho phù hợp với ngành Quản lý Văn hóa trình độ thạc sĩ giảng viên cần phải sử dụng kết quả nghiên cứu thực tiễn, thâm nhập thực tế về công tác xã hội hóa tổ chức hoạt động văn hóa, xã hội hóa biểu diễn nghệ thuật, công tác gây quỹ, ủng hộ, từ thiện trong các lĩnh vực liên quan đến văn hóa và nghệ thuật. Học phần được thiết kế 3 chuyên đề, tập trung vào các nội dung cơ bản sau: - Lý thuyết về gây quỹ và tìm tài trợ - Các loại hình gây quỹ và các nguồn tài trợ - Một số kỹ năng và nguyên tắc gây quỹ và tìm tài trợ - Quy trình gây quỹ và tìm tài trợ - Một số hình thức gây quỹ và tìm tài trợ	Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Nguyễn Thị Anh Quyên, Ngô Ánh Hồng, Đỗ Thị Thanh Thủy (2009), <i>Giáo trình gây quỹ và tìm tài trợ trong các tổ chức văn hóa-nghệ thuật</i>, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội. [3] Ngô Ánh Hồng (2012), <i>Gây quỹ và tìm tài trợ cho các tổ chức văn hóa – nghệ thuật</i>, NXB Lao động [4] Cao Đức Hải (2009), <i>Giáo trình quản lý dự án văn hóa nghệ thuật</i>, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội. [5] Ngô Anh Hồng (2009), <i>Gây quỹ trái tim</i>, Nxb Đại học quốc gia Hà Nội.
20	CNTC20	Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	Học phần được thiết kế gồm 2 chuyên đề: - Chuyên đề 1: Sự tương tác của Văn hóa - Kinh tế trong quá trình toàn cầu hóa. Chuyên đề 1 tập trung giới thiệu 3 nội dung cơ bản: (1) Vị thế của văn hóa trong quá trình toàn cầu hóa, (2) Sự tác động của toàn cầu đến văn hóa trên bình diện kinh tế và công nghệ, (3) Những tương tác giữa kinh tế và văn hóa trong kinh tế thị trường và toàn cầu hóa. - Chuyên đề 2: Vai trò của văn hóa trong phát triển, có 3 nội dung: (1) Văn hóa là mục tiêu phát triển của con người, (2) Sự giao lưu và tiếp biến văn hóa, (3) Những vấn đề bảo tồn Văn hóa truyền thống, Quốc gia, Dân tộc trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu vấn đề toàn cầu hóa, kỹ nguyên công nghệ thông tin và kỹ nguyên phát minh- sáng tạo ở thế kỷ 21; Nghiên cứu lý thuyết phát triển kinh tế của Adam Smit (1723-	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Quản lý văn hóa và phát triển bền vững</i>(Tài liệu lưu hành nội bộ) , Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa) Tài liệu tham khảo [2] Phạm Văn Đồng (1996), <i>Văn hóa và sự phát triển các dân tộc ở Việt Nam</i>, NXB Văn hóa dân gian [3] Nguyễn Chí Tình (2009), <i>Văn hóa và thời đại</i>, NXB Khoa học Xã hội 3. Phạm Xuân Nam (2005), <i>Văn hóa và phát triển</i>, NXB Khoa học xã hội [4] Huỳnh Khải Vinh (1996), <i>Văn hóa văn nghệ vì sự nghiệp phát triển xã hội</i>, NXB Văn học

			1790) và học thuyết 3 làn sóng văn minh của Alvin Toffler (1928) người Mỹ; Vấn đề hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế và tác động của nó đến văn hóa. Phương pháp tiếp cận là nghiên cứu thực trạng, diễn trình toàn cầu hóa từ 2000 đến nay, phân tích và dự báo đối với Việt Nam.	
21	CNTC21	Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	- Chuyên đề 1: Mỹ thuật truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional Fine Art). Chuyên đề 1: Nội dung cơ bản: Kiến trúc truyền thống Việt Nam; Điều khắc và Hội họa truyền thống Việt Nam; Mỹ thuật Chăm-pa, Tây Nguyên. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, do vậy, các vấn đề trên sẽ được tập trung giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị mỹ thuật truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của mỹ thuật truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu mỹ thuật truyền thống Việt Nam. - Chuyên đề 2: Nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam (Vietnamese traditional Performing Art). Chuyên đề 2 có 3 cơ bản: Nghệ thuật Biểu diễn cổ truyền vùng đồng bằng châu thổ sông Hồng; Nghệ thuật biểu diễn cổ truyền vùng Trung Bộ; Nghệ thuật biểu diễn Nam Bộ. Với phương pháp tiếp cận là Nghệ thuật học, các nội dung sẽ được giới thiệu, phân tích về hình loại và giá trị nghệ thuật Biểu diễn truyền thống Việt Nam theo các thể loại, phong cách, tác phẩm, trên nền diễn trình lịch sử các thời kỳ. Đồng thời phân tích giá trị xã hội của nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam. Giúp học viên bổ sung kiến thức và phương pháp nghiên cứu nghệ thuật biểu diễn truyền thống Việt Nam.	Tài liệu bắt buộc [1] Tập bài giảng <i>Nghệ thuật truyền thống Việt Nam</i> (Tài liệu lưu hành nội bộ), Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa. Tài liệu tham khảo [2] Phạm Trọng Toàn (2007), <i>Tương đồng và khác biệt giữa hát xoan, hát chèo Phú Thọ và quan họ Bắc Ninh</i>, NXB Viện Văn hóa Thông tin [3] Nguyễn Đăng Duy (2004), <i>Văn hóa Việt Nam đỉnh cao Đại Việt</i>, NXB Hà Nội. [4] Chu Quang Trứ (2010), <i>Văn hóa Việt Nam nhìn từ mỹ thuật</i>, NXB thời đại [5] Lê Văn Tạo (2008), <i>Nghiên cứu di sản văn hóa truyền thống Thanh Hóa (loại hình kiến trúc – điêu khắc)</i>, Trường Cao đẳng VHNT Thanh Hóa

6.3.Trình tự nội dung Chương trình dạy học

Học kỳ	Nội dung thực hiện	Số tín chỉ
Học kỳ 1 (05 học phần, 16 tín chỉ)	-2 học phần phần kiến thức chung (8 tín chỉ)	
	+ Triết học	4
	+ Tiếng Anh (theo khung tham chiếu B1 Châu Âu)	4
	-3 học phần bắt buộc của khối kiến thức cơ sở ngành (8 tín chỉ)	
	+ Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	3
Học kỳ 2 (06 học phần, 16 tín chỉ)	+ Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	3
	+ Tâm lý học quản lý	2
	-1 học phần bắt buộc khối kiến thức cơ sở ngành (3 tín chỉ)	
	+ Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức cơ sở ngành (4 tín chỉ)	
Học kỳ 3 (06 học phần, 14 tín chỉ)	-3 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (9 tín chỉ)	
	+ Quản lý sự kiện văn hóa	3
	+ Quản lý các thiết chế văn hóa, thể thao	3
	+ Quản lý Di sản văn hóa Việt Nam	3
	-4 học phần bắt buộc khối kiến thức ngành (10 tín chỉ)	
Học kỳ 4	+ Quản lý truyền thông	2
	+ Phát triển chính sách văn hóa	3
	+ Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa – nghệ thuật	2
	+ Quản lý thị trường văn hóa	3
	-2 học phần tự chọn khối kiến thức chuyên ngành (4 tín chỉ)	
	-Bảo vệ đề cương luận văn thạc sĩ	4
	-Nghiên cứu hoạt động thực tế	3
	-Viết và bảo vệ luận văn thạc sĩ	15

6.4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt Chuẩn đầu ra

Học phần	Chuẩn đầu ra														
	Kiến thức					Kỹ năng					Năng lực tự chủ và trách nhiệm		Phẩm chất đạo đức		
	C1	C2	C3	C4	C5	C6	C7	C8	C9	C10	C11	C12	C14	C15	C16
I. Kiến thức chung															
Triết học	3	3	0	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	3
Tiếng Anh	3	2	0	0	0	0	2	0	2	3	3	0	3	0	3
II. Kiến thức cơ sở ngành															
II.1. Bắt buộc															
Phương pháp nghiên cứu khoa học văn hóa	2	2	2	3	3	3	0	2	3	0	2	3	3	3	3
Giao lưu tiếp biến văn hóa trong lịch sử văn hóa Việt Nam	2	2	2	3	3	3	0	0	3	0	2	3	3	3	3
Văn hóa, văn minh và sự tiến bộ xã hội	2	3	3	3	2	0	3	0	3	0	2	3	3	3	2
Tâm lý học quản lý	2	2	2	0	1	0	0	0	2	0	0	3	3	3	3
II.2. Tự chọn															
Văn hóa và du lịch	2	2	3	3	3	2	0	0	0	0	2	3	3	3	3
Nông thôn và đô thị trong văn hóa Việt Nam	2	2	3	3	2	0	2	0	0	0	3	0	3	3	3
Văn hóa tôn giáo Việt Nam	2	2	3	3	2	0	0	0	2	0	0	0	0	0	3
Văn hóa Việt Nam trong bối cảnh Đông Nam Á	2	0	2	3	0	0	0	0	0	0	3	0	3	0	3
III. Kiến thức chuyên ngành															
III.1. Bắt buộc															
Quản lý sự kiện văn hóa	2	0	3	3	0	2	0	0	2	0	3	3	3	0	3
Quản lý truyền thông	1	2	0	3	3	3	3	0	2	0	3	0	3	0	3
Quản lý các thiết chế văn hóa,	2	2	0	3	3	3	3	2	0	0	3	0	3	3	3

thể thao															
Quản lý thị trường văn hóa	2	3	3	3	3	3	2	2	2	0	0	0	3	3	3
Phát triển chính sách văn hóa	2	2	3	3	3	3	2	2	2	0	0	1	0	0	3
Quản lý và phát triển nguồn lực văn hóa - nghệ thuật	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	3	3	0	0	3
Quản lý di sản văn hóa Việt Nam	2	2	3	3	3	0	3	0	0	0	3	3	3	3	3
III.2. Tự chọn															
Xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển văn hóa	2	2	3	3	0	3	2	0	0	0	0	1	0	2	3
Gây quỹ cho các hoạt động văn hóa nghệ thuật	2	2	3	3	3	2	0	0	0	0	3	3	3	0	3
Quản lý văn hóa và phát triển bền vững	2	0	3	3	0	3	0	1	0	0	3	0	3	3	3
Nghệ thuật truyền thống Việt Nam	2	2	3	0	0	3	2	0	0	0	3	3	3	0	3
IV. Nghiên cứu hoạt động thực tế	0	0	0	0	0	1	1	1	0	0	2	3	3	3	3
V. Luận văn	0	3	2	3	3	3	3	2	0	0	3	3	3	3	3

Ghi chú: 0- không đóng góp; 1- Đóng góp thấp; 2- Đóng góp trung bình; 3- Đóng góp cao

